

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ việc đạt được thỏa thuận ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng nhẹ, tương đồng với diễn biến tăng của thị trường cơ sở dù đà tăng có phần yếu hơn do chịu tác động từ diễn biến điều chỉnh của Dow Future.

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

MSN, HVN

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế ngắn hạn đã mở, quay vòng theo hướng mua trước tại hỗ trợ và bán sau tại kháng cự đối với từng mã lẻ.

12/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	959.28	+0.74
VN30	923.00	+0.69
HĐTL VN30F1M	927.90	+0.71
HNXIndex	144.62	+1.97
HNX30	264.28	+1.19
UPCoM	64.52	-0.78
USD/VND	23,166	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.57	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+5
Dầu (WTI, \$)	41.32	-0.31
Vàng (LME, \$)	1,867.50	+0.09

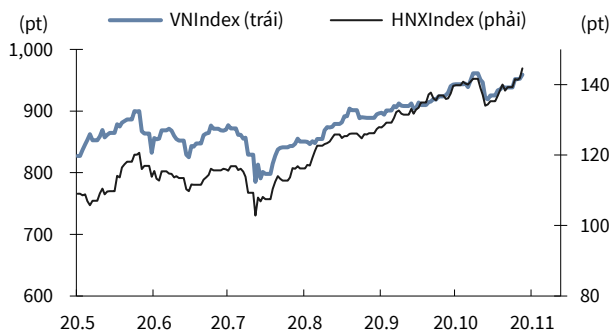


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	959.28 (+0.74%)
KLGD (triệu CP)	343.9 (+2.1%)
GTGD (triệu US\$)	259.6 (-23.2%)
HNXIndex	144.62 (+1.97%)
KLGD (triệu CP)	55.5 (+26.4%)
GTGD (triệu US\$)	39.8 (+52.0%)
UPCoM	64.52 (-0.78%)
KLGD (triệu CP)	14.3 (-5.7%)
GTGD (triệu US\$)	10.8 (+45.0%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-7.4

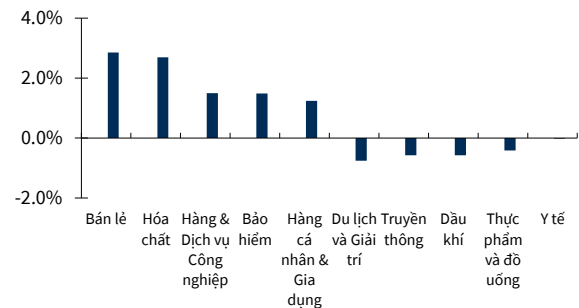
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Bộ trưởng các nước thuộc Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) mới đây đã đồng ý ký kết thỏa thuận thương mại trong hội nghị thượng đỉnh vào ngày 15/11/2020 tới đây. Nhóm cổ phiếu kỳ vọng hưởng lợi từ Hiệp định trên đồng loạt tăng giá như ở ngành dệt may với GIL (+1.4%), STK (+0.5%), ngành logistic với GMD (+4.2%), HAH (+5.8%), ngành khu công nghiệp với KBC (+1.8%), NTC (+0.9%). Cổ phiếu ACV (+1.9%) tăng giá trước thông tin dự án Sân bay Long Thành được thủ tướng duyệt đầu tư giai đoạn 1, bên cạnh cổ phiếu các ngành hưởng lợi khác có diễn biến tích cực như nguyên vật liệu HT1 (+1.8%), C32 (+0.2%), hạ tầng HBC (+3.2%), C4G (+1.2%). Thông tin từ Bộ Công Thương cho biết Chính phủ sẽ rà soát áp dụng thuế chống bán phá giá với doanh nghiệp nhập khẩu thép cán phẳng, giúp các doanh nghiệp ngành tôn, thép tăng mạnh ở NKG (+7%), HPG (+0.5%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở HPG (+0.5%), VNM (-0.5%), SSI (0%).

VNIndex & HNXIndex



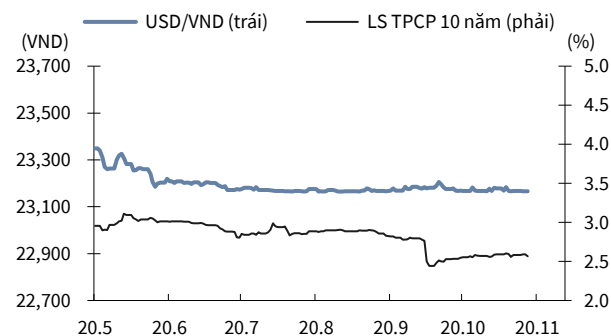
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



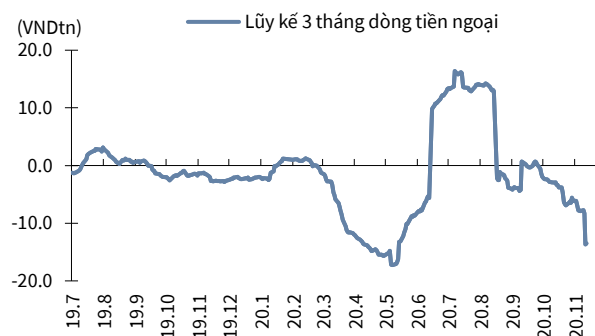
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 923.00 (+0.69%)

VN30F1M 927.9 (+0.71%)

Mở cửa 921.0

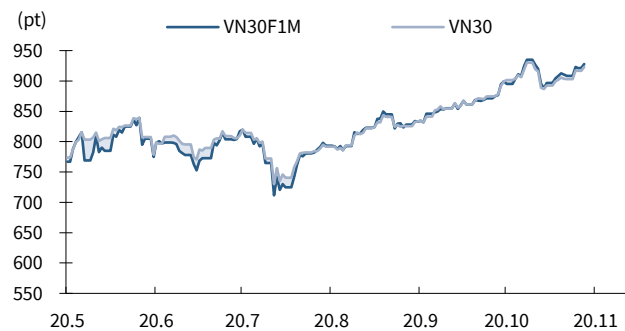
Cao nhất 928.0

Thấp nhất 920.6

KLGD (HĐ) 107,506 (-23.7%)

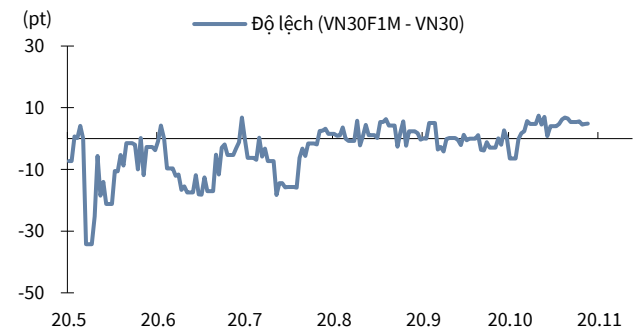
HĐTL tăng nhẹ, tương đồng với diễn biến tăng của thị trường cơ sở dù đà tăng có phần yếu hơn do chịu tác động từ diễn biến điều chỉnh của Dow Future. Chênh lệch F2011 và VN30 mở cửa ở mức 4.32 trước khi giao động quanh 2.3 và 4.7 và đóng cửa ở mức 4.9. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay trong khi thanh khoản thị trường suy giảm.

HĐTL VN30F1M & VN30



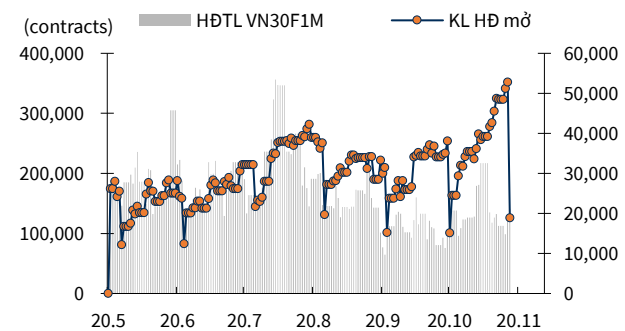
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



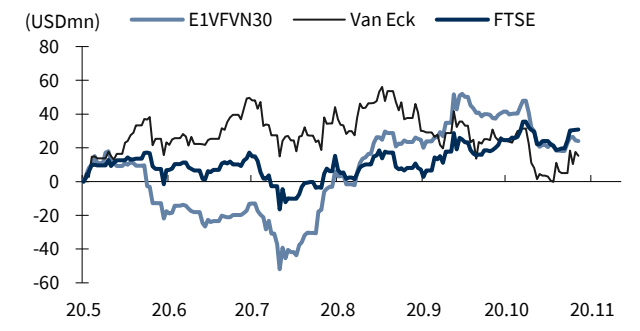
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

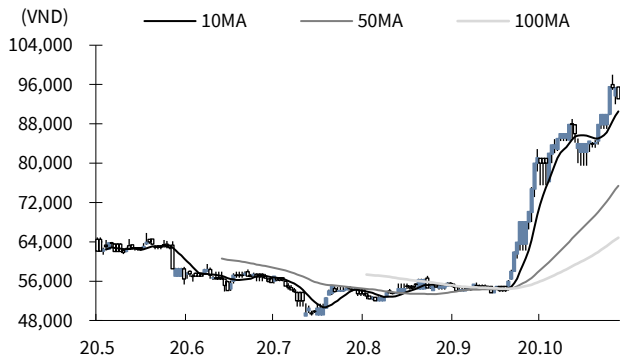
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Masan (MSN)

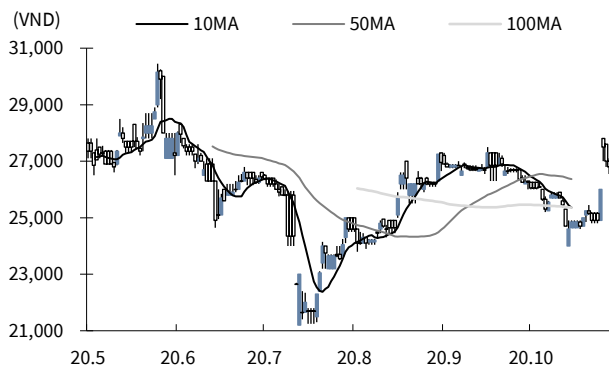


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN giảm -2.4% xuống 93,100 VNĐ/cp.

- VinCommerce, thuộc sở hữu của CrownX do MSN thành lập và nắm giữ 70% vốn, đã công bố định hướng chiến lược giai đoạn 2021 - 2025, trong đó VinCommerce sẽ sở hữu hơn 300 siêu thị Vinmart, gần 10,000 cửa hàng VinMart+ phủ sóng tại khắp 63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Đặc biệt, VinCommerce đưa ra quy hoạch top 100 đối tác chiến lược sẽ cùng đồng hành để dẫn dắt thị trường bán lẻ Việt Nam, xây dựng mô hình hợp tác Win - Win và hàng loạt những đặc quyền giành riêng cho nhóm đối tác chiến lược này.

Vietnam Airlines (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN giảm -0.7% xuống 26,800 VNĐ/cp.

- Quốc hội đã biểu quyết thông qua việc bổ sung lịch làm việc để tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn cho HVN do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vào chương trình làm việc kỳ họp thứ 10. Qua đó, Vietnam Airlines trình phương án xin hỗ trợ từ Chính phủ với số tiền 12,000 tỷ đồng gồm 4,000 tỷ đồng thông qua cho vay và tăng vốn điều lệ 8,000 tỷ đồng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

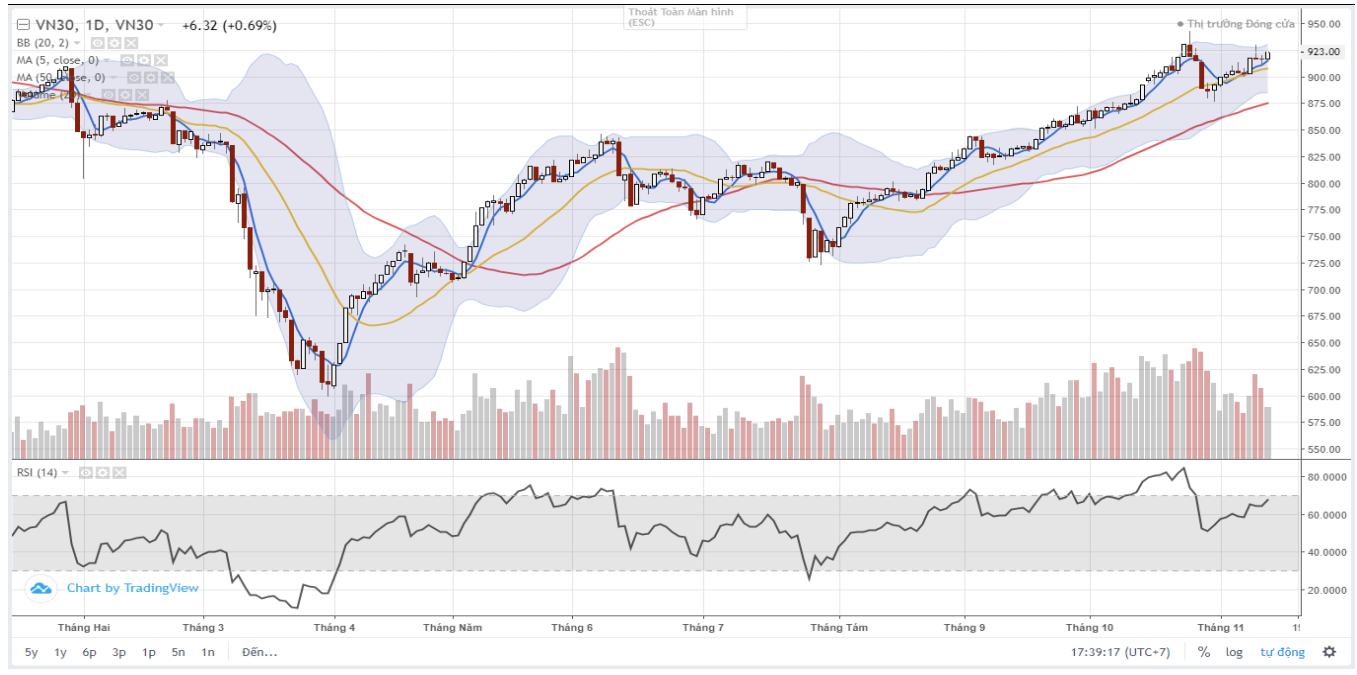
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



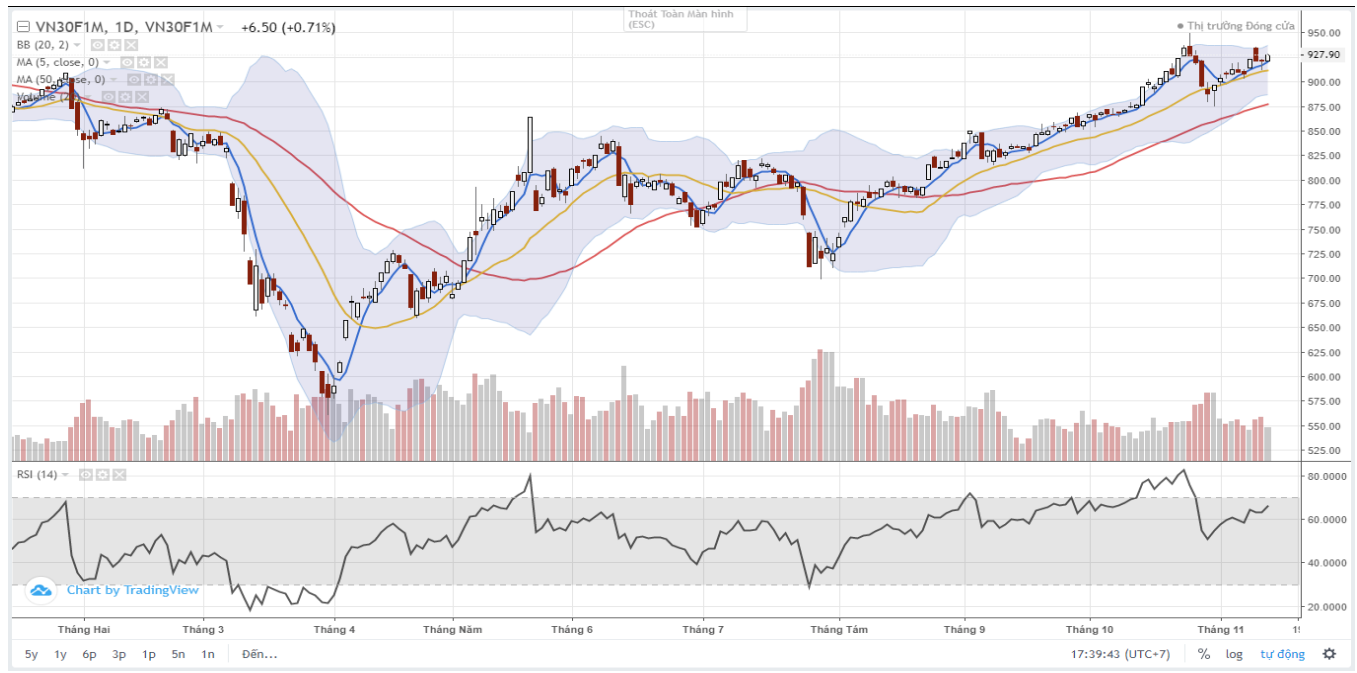
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Bất chấp nhịp rung lắc vào giữa phiên, VNIndex đã hồi phục thành công và chớm vượt qua vùng cản gần.
- Như vậy chỉ số đang củng cố cho xu hướng tăng điểm và có nhiều cơ hội quay lên thử thách vùng đỉnh cũ quanh 970.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế ngắn hạn đã mở, tiếp tục quay vòng theo hướng mua trước tại hỗ trợ và bán sau tại kháng cự đối với từng mã lẻ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 944 - 949

Kháng cự gần: 934 - 936

Hỗ trợ gần: 922 - 924

Hỗ trợ xa: 911 - 914

- Bất chấp nhịp rung lắc vào giữa phiên, F1 đã hồi phục thành công với lực cầu bắt đáy gia tăng vào cuối phiên.
- Mặc dù mới chớm vượt qua vùng hỗ trợ gần 924 - 926 nhưng nếu loại bỏ được kịch bản giảm điểm ngay từ đầu phiên mai (bull-trap), F1 sẽ có nhiều cơ hội quay lên thử thách lại vùng đỉnh cũ quanh 940.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ nếu loại bỏ được kịch bản giảm điểm ngay từ đầu phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở, gia tăng một phần tỷ trọng tại hỗ trợ nếu loại bỏ được kịch bản giảm điểm ngay đầu phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

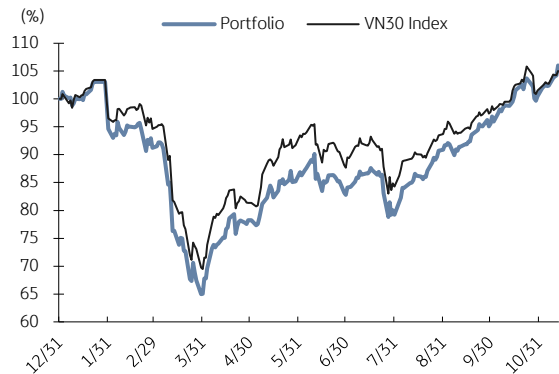
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.69%	1.70%
Tăng lũy kế (YTD)	5.00%	6.02%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	111,100	2.9%	-4.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,200	0.4%	5.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	73,600	2.4%	-4.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	18,700	2.5%	-5.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	44,500	5.1%	30.9%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	53,500	0.9%	39.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	31,000	1.6%	27.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	112,700	-1.0%	-12.8%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	31,450	0.5%	34.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	14,250	1.8%	4.0%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	2.6%	29.9%	61.3
VHM	0.8%	21.9%	38.2
VCB	1.8%	23.6%	13.3
DXG	5.9%	36.1%	13.0
KDC	-0.6%	24.2%	10.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	0.5%	33.6%	-68.8
VNM	-0.5%	58.0%	-67.2
SSI	0.0%	49.8%	-24.2
MSN	-2.4%	34.3%	-18.9
HDB	0.4%	19.6%	-15.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDV	-2.4%	16.1%	1.0
BAX	0.2%	3.8%	0.3
PLC	-1.6%	1.0%	0.1
VCS	0.3%	2.9%	0.1
PHP	0.0%	0.1%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	0.0%	9.5%	-10.7
SHB	2.9%	6.5%	-1.4
DXP	9.8%	18.4%	-0.8
LHC	-0.7%	23.7%	-0.3
TIG	1.8%	15.0%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	9.7%	GVR, DGC
Du lịch và Giải trí	6.1%	VJC, HVN
Bán lẻ	5.0%	MWG, DGW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.6%	APH, GMD
Tài nguyên Cơ bản	4.5%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	0.4%	PLX, PVD
Thực phẩm và đồ uống	0.6%	VNM, SAB
Ô tô và phụ tùng	0.8%	TCH, HHS
Truyền thông	1.4%	PNC, YEG
Ngân hàng	1.8%	LPB, VIB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	17.2%	GVR, PHR
Hàng cá nhân & Gia dụng	10.1%	PNJ, GIL
Tài nguyên Cơ bản	8.3%	HPG, HSG
Bán lẻ	4.3%	MWG, DGW
Du lịch và Giải trí	4.3%	VJC, HVN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-4.1%	TCH, HHS
Dầu khí	-2.0%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.8%	GAS, POW
Ngân hàng	-1.5%	BID, VCB
Dịch vụ tài chính	0.6%	OGC, FIT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	106,800	361,244 (15,594)	80,288 (3.5)	22.9	58.0	42.9	19.5	6.7	8.7	4.1	3.8	0.9	2.2	13.7	-7.1
	VHM	VINHOMES JSC	77,200	253,950 (10,962)	189,069 (8.2)	27.1	9.5	8.2	35.1	38.2	31.8	2.9	2.2	0.8	2.0	-0.4	-9.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,200	61,807 (2,668)	139,922 (6.0)	19.1	26.0	19.3	-2.7	8.3	11.5	2.1	2.0	2.6	4.2	0.4	-20.0
	NVL	NO VA LAND INVES	62,000	61,114 (2,638)	86,136 (3.7)	32.8	16.5	17.2	1.6	15.3	12.7	2.4	-	0.0	-0.2	-0.8	4.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,400	13,635 (589)	27,268 (1.2)	9.0	12.6	10.6	14.3	14.1	15.6	1.6	1.5	0.0	-2.2	1.2	-4.8
	DXG	DAT XANH GROUP	13,500	6,997 (302)	74,150 (3.2)	12.9	17.0	6.8	-55.3	3.1	13.6	1.0	0.9	5.9	10.2	24.4	-6.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	86,400	320,447 (13,833)	76,269 (3.3)	6.4	19.8	16.7	10.1	19.1	18.8	3.3	2.8	1.8	1.6	0.6	-4.2
	BID	BANK FOR INVESTM	39,600	159,272 (6,875)	86,770 (3.7)	12.7	24.9	17.5	-3.7	9.2	11.6	1.9	1.8	0.5	1.4	-3.3	-14.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,300	78,053 (3,369)	571,140 (24.6)	0.0	7.4	6.4	5.0	15.7	15.5	1.1	0.9	1.4	2.3	5.2	-5.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	31,000	115,426 (4,983)	256,836 (11.1)	0.6	14.2	11.7	24.0	11.7	12.8	1.4	1.3	1.6	2.5	6.5	48.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,850	58,140 (2,510)	173,212 (7.5)	0.3	7.0	6.1	5.2	17.9	16.8	1.2	1.0	0.4	0.6	1.9	19.3
	MBB	MILITARY COMMERC	18,700	51,858 (2,239)	124,594 (5.4)	0.1	6.9	5.9	9.4	18.1	17.5	1.1	0.9	2.5	2.2	6.6	3.4
	HDB	HDBANK	25,900	32,522 (1,404)	53,210 (2.3)	1.9	7.5	6.4	24.9	19.3	18.4	1.2	1.0	0.4	2.8	6.4	22.2
	STB	SACOMBANK	13,700	24,710 (1,067)	202,627 (8.7)	14.5	14.3	11.7	11.0	7.4	8.4	0.9	0.8	0.7	2.6	3.0	36.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,200	19,761 (853)	54,728 (2.4)	0.0	6.4	5.3	30.8	22.4	20.4	1.2	1.0	0.2	3.4	-2.4	15.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,300	21,269 (918)	5,545 (0.2)	0.0	27.1	29.5	9.1	5.5	4.7	1.3	1.2	0.3	0.6	0.6	-2.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	54,000	40,085 (1,730)	58,890 (2.5)	20.5	32.9	27.7	2.5	6.3	7.7	2.1	2.0	1.3	3.4	2.1	-21.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	29,000	2,649 (114)	5,808 (0.3)	14.5	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	5.5	8.0	-0.3	16.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,500	10,516 (454)	84,078 (3.6)	50.2	11.8	10.8	-15.9	9.2	9.7	-	-	0.0	1.4	-2.0	12.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	42,500	7,038 (304)	43,398 (1.9)	73.3	-	-	-	-	-	-	-	2.7	9.3	21.4	44.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,600	6,894 (298)	58,283 (2.5)	51.1	-	-	-	-	-	-	-	0.0	3.7	2.0	5.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,300	3,607 (156)	21,228 (0.9)	16.0	-	-	-	-	-	-	-	0.0	10.2	9.5	20.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,000	223,592 (9,652)	185,148 (8.0)	42.0	21.9	20.2	6.2	38.3	39.0	7.7	7.1	-0.5	-1.7	0.0	10.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	183,400	117,611 (5,077)	18,685 (0.8)	36.9	27.6	23.4	1.8	22.3	25.0	5.7	5.1	0.9	-0.6	-2.5	-19.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	93,100	109,363 (4,721)	308,953 (13.3)	14.7	125.6	47.5	-59.6	2.3	5.9	3.4	3.3	-2.4	5.9	32.6	64.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,100	12,305 (531)	17,408 (0.8)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.9	-5.9	-20.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	112,700	59,037 (2,548)	55,672 (2.4)	12.6	-	18.8	-91.0	0.0	20.3	4.1	3.6	-1.0	6.6	7.3	-22.9
	GMD	GEMADEPT CORP	26,300	7,809 (337)	15,978 (0.7)	0.0	19.8	17.1	-53.6	6.6	7.4	1.3	1.3	4.2	12.4	9.8	12.9
	CII	HO CHI MINH CITY	17,100	4,084 (176)	27,054 (1.2)	38.4	8.6	8.0	142.2	9.6	9.4	0.8	0.7	0.3	3.0	-9.5	-24.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,220	1,260 (054)	12,978 (0.6)	47.3	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-0.4	-4.3	-87.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,600	9,211 (398)	172,355 (7.4)	36.0	24.0	10.3	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.5	-1.8	-13.3	1.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	62,000	4,730 (204)	59,674 (2.6)	2.8	7.5	8.1	-33.0	7.6	7.0	0.6	0.5	0.6	8.8	-3.9	20.9
	REE	REE	44,500	13,797 (596)	17,547 (0.8)	0.0	8.9	7.8	-8.7	13.8	14.5	1.2	1.1	5.1	6.5	6.7	22.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	73,400	140,484 (6,064)	64,045 (2.8)	46.0	17.5	15.2	-14.2	17.0	18.0	2.8	2.6	0.3	2.7	-2.1	-21.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,300	6,708 (290)	3,568 (0.2)	29.6	10.1	9.7	-6.3	15.9	17.1	1.6	1.5	0.6	3.1	0.4	7.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	22,700	7,278 (314)	3,517 (0.2)	33.4	8.3	7.6	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.1	2.0	0.9	-4.0	-15.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	31,450	104,203 (4,498)	521,682 (22.5)	15.4	9.6	7.7	12.9	20.9	20.9	1.9	1.6	0.5	4.0	11.3	60.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,650	6,907 (298)	41,168 (1.8)	36.8	10.3	11.5	6.3	9.4	8.3	0.8	0.8	1.4	3.2	2.6	36.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,650	6,697 (289)	43,551 (1.9)	45.2	15.5	18.9	-14.4	7.6	6.2	-	-	2.4	1.2	5.9	94.6
	HSG	HOA SEN GROUP	17,800	7,909 (341)	187,504 (8.1)	38.5	9.6	8.7	71.2	13.3	12.2	-	-	0.0	9.9	12.7	139.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,300	2,506 (108)	13,095 (0.6)	97.7	6.1	6.9	39.3	13.3	10.5	0.6	0.5	0.0	2.7	-2.3	-6.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	48,600	59,234 (2,557)	16,971 (0.7)	4.0	49.5	16.7	-41.4	5.4	15.3	2.4	2.1	-0.5	-0.2	-1.5	-13.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,900	5,011 (216)	51,626 (2.2)	39.7	45.7	38.8	-14.7	0.9	1.2	0.4	0.4	-1.2	8.2	2.1	-20.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	14,700	4,137 (179)	31,016 (1.3)	31.7	8.8	8.0	-12.5	10.2	10.3	0.8	0.7	2.4	7.3	7.7	-12.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	111,100	50,285 (2,171)	99,733 (4.3)	0.0	13.4	9.9	11.2	26.9	28.9	3.3	2.6	2.9	4.0	3.3	-2.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	73,600	16,569 (715)	85,558 (3.7)	0.2	18.3	15.1	0.2	20.8	23.3	3.4	3.0	2.4	1.4	18.7	-14.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	45,000	1,408 (061)	1,483 (0.1)	69.6	18.9	13.8	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-0.9	1.6	0.6	21.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,150	1,828 (079)	8,544 (0.4)	13.7	15.5	11.0	-48.5	6.8	12.1	1.2	1.1	2.9	3.3	-1.9	10.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,300	8,306 (359)	51,937 (2.2)	36.9	8.5	7.9	24.4	35.7	31.2	2.8	2.4	-1.0	7.9	9.5	60.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,900	13,585 (586)	464 (0.0)	45.2	19.3	17.9	11.9	21.6	20.5	3.7	3.4	-0.1	0.9	-1.6	13.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	73,100	5,483 (237)	485 (0.0)	29.9	15.6	-	7.3	16.4	-	2.5	-	1.4	4.3	5.9	34.6
IT	FPT	FPT CORP	53,500	41,939 (1,810)	119,845 (5.2)	0.0	12.2	10.6	19.1	22.7	23.5	2.5	2.2	0.9	2.9	5.1	5.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.